TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 453/2022/HNGĐ-ST
Ngày 24 - 11 - 2022
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Thái Hoàng Đắc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Năm
Ông Nguyễn Việt Thắng

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Thế Bắc là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 24 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 951/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 459/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm: 1982 (xin vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp V, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Chị Lý Thị L, sinh năm: 1985 (xin vắng mặt)
Địa chỉ: Khóm C, thị trấn S, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/9/2022, nguyên đơn anh Nguyễn Thanh T trình bày:

Về hôn nhân: Năm 2020, anh T và chị Lý Thị L tự nguyện chung sống với nhau. Đến năm 2021 anh chị mới có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Lộc Bắc, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm, không hợp nhau. Anh T xác định không còn tình cảm và yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị L.

Về con chung: Anh T và chị L có 01 người con chung là Nguyễn Thị Cẩm Đ, sinh ngày 16/11/2020, đang sống với chị L. Khi ly hôn, anh T tự nguyện giao con cho chị L nuôi dưỡng, anh T sẽ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T xác định không có.

Do hoàn cảnh gia đình đi làm ăn xa nên anh T yêu cầu xét xử vắng mặt.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 31/10/2022, bị đơn chị Lý Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Anh T yêu cầu ly hôn, chị L đồng ý.

Về con chung: Chị L yêu cầu nuôi con chung là Nguyễn Thị Cẩm Đan, sinh ngày 16/11/2020 và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Chị L và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị L xác định không có.

Do hoàn cảnh gia đình nên chị L yêu cầu xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn anh Nguyễn Thanh T và bị đơn chị Lý Thị L có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh chị.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết*: Xét quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp ly hôn theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

[3] *Về hôn nhân*: Năm 2020 anh Nguyễn Thanh T và chị Lý Thị L tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân giữa anh chị được pháp luật công nhận là hợp pháp và được bảo vệ. Xét nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo anh T trình bày do bất đồng quan điểm, không hợp nhau. Anh T xác định không còn tình cảm và yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị L. Ý kiến của chị L thống nhất ly hôn với anh T. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị L không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh T được ly hôn với chị L.

[4] *Về con chung*: Anh T và chị L có 01 người con chung là Nguyễn Thị Cẩm Đ, sinh ngày 16/11/2020, đang sống với chị L. Khi ly hôn, anh T tự nguyện giao con cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Chị L yêu cầu được nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu Đ cho chị L nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con, theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng

cho con. Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con, chị L cũng yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của anh T, cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 745.000 đồng, liên tục hàng tháng cho đến khi cháu Nguyễn Thị Cẩm Đ đủ 18 tuổi, thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Trường hợp con đã thành niên mà không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình thì anh T vẫn có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con.

[6] *Về tài sản chung*: Anh T xác định không có. Tuy nhiên, chị L xác định tự thỏa thuận với anh T, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] *Về nợ chung*: Anh T và chị L xác định không có.

[8] *Về án phí*: Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 147, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Thanh T và chị Lý Thị L.

2. Về con chung:

2.1 Giao con chung là Nguyễn Thị Cẩm Đ, sinh ngày 16/11/2020 cho chị Lý Thị L trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2 Anh Nguyễn Thanh T phải đóng góp cùng với chị L nuôi con Nguyễn Thị Cẩm Đ số tiền là 745.000 đồng/tháng (bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng một tháng) cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi. Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Trường hợp con đã thành niên mà không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình thì anh T vẫn có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con.

Kể từ ngày người có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng phải chịu lãi suất chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của người không trực tiếp nuôi con.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Ngày 24/10/2022, anh T đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005566 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ, còn phải nộp tiếp 300.000 đồng.

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy đinh tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND xã Tân Lộc Bắc,
huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

Thái Hoàng Đắc